Chi tiết mã HS 2301.10.00

Mã HS	2301.10.00
Mô tả hàng hóa	Bột mịn, bột thô và viên, từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, từ cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác, không thích hợp dùng làm thức ăn cho người; tóp mỡ / - Bột mịn, bột thô và viên, từ thịt hoặc phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ; tóp mỡ
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 11:30:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/23011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2862
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2862
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2862
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2843
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2804
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2804
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2804
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2804
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2804
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2804
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2842
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2842
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2842
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2842

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2842
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2842
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2846
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2846
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2846
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2846
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2846
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2846
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2846
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2810
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2806
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2806
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2806
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2806
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2806
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2806
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2806
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2806
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2806
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2806
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2806
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2806
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2853
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2853
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2853
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2853

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2853
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2853
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2850
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2850
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2850
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2850
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2850
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2850
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2858
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2858
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2858
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2858
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2858
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2858
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2829
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2829
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2829
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2829
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2829
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2829
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2831
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2831
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2831
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2831
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2831
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2831

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2827
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2827
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2827
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2827
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2827
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2827
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2827
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2850
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2850
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2850
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2850
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2850
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2850
RCEP B	2022	2022	0	B!D2850
RCEP B	2023	2023	0	B!E2850
RCEP B	2024	2024	0	B!F2850
RCEP B	2025	2025	0	B!G2850
RCEP B	2026	2026	0	B!H2850
RCEP B	2027	2027	0	B!I2850
RCEP C	2022	2022	0	C!D2850
RCEP C	2023	2023	0	C!E2850
RCEP C	2024	2024	0	C!F2850
RCEP C	2025	2025	0	C!G2850
RCEP C	2026	2026	0	C!H2850
RCEP C	2027	2027	0	C!I2850
RCEP D	2022	2022	0	D!D2850

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E2850
RCEP D	2024	2024	0	D!F2850
RCEP D	2025	2025	0	D!G2850
RCEP D	2026	2026	0	D!H2850
RCEP D	2027	2027	0	D!I2850
RCEP E	2022	2022	0	E!D2853
RCEP E	2023	2023	0	E!E2853
RCEP E	2024	2024	0	E!F2853
RCEP E	2025	2025	0	E!G2853
RCEP E	2026	2026	0	E!H2853
RCEP E	2027	2027	0	E!I2853
RCEP F	2022	2022	0	F!D2850
RCEP F	2023	2023	0	F!E2850
RCEP F	2024	2024	0	F!F2850
RCEP F	2025	2025	0	F!G2850
RCEP F	2026	2026	0	F!H2850
RCEP F	2027	2027	0	F!I2850
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2659
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2659
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2659
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2659

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2301.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2301.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2862), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.